(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /QĐ-CTHADS

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị dự toán trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 401, 402/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị dự toán trực thuộc *(theo biểu số 01, 02 đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự và các đơn vị dự toán trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Trang thông tin điện tử Cục THADS;
- Lưu: VT, TCKT.H

CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC T.H.ÁN DÂN SỰ ★ CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. ĐỒNG THÁP

Vũ Quang Hiện

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐỒNG THÁP

Chương: 014

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-CTHADS ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	Số thu phí, lệ phí	453.000
II	Số nộp Tổng cục	90.600
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	249.150
IV	Số phí, lệ phí nộp NSNN	113.250
B	**Dự toán chi NSNN**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**8.626.242**
1	**Chi quản lý hành chính**	**8.626.242**
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	7.453.218
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	1.173.024
	.....	

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐỒNG THÁP
Chương: 014

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-CTHADS ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Cục THADS tỉnh	Chi cục THADS TP. Cao Lãnh	Chi cục THADS H. Tân Hồng	Chi cục THADS TP. Hồng Ngự	Chi cục THADS H. Hồng Ngự	Chi cục THADS H. Tam Nông	Chi cục THADS H. Thanh Bình	Chi cục THADS H. Cao Lãnh	Chi cục THADS H. Tháp Mười	Chi cục THADS H. Châu Thành	Chi cục THADS H. Lai Vung	Chi cục THADS H. Lấp Vò	Chi cục THADS TP. Sa Đéc
1	2	3	4=sum(5:17)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**															
I	Số thu phí, lệ phí	**8.898.000**	**8.898.000**	453.000	985.000	526.000	353.000	307.000	518.000	704.000	1.278.000	636.000	728.000	825.000	558.000	1.027.000
II	Số nộp Tổng cục	1.779.600	**1.779.600**	90.600	197.000	105.200	70.600	61.400	103.600	140.800	255.600	127.200	145.600	165.000	111.600	205.400
III	Số đơn vị để lại sử dụng	4.893.900	**4.893.900**	249.150	541.750	289.300	194.150	168.850	284.900	387.200	702.900	349.800	400.400	453.750	306.900	564.850
IV	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.224.500	**2.224.500**	113.250	246.250	131.500	88.250	76.750	129.500	176.000	319.500	159.000	182.000	206.250	139.500	256.750
B	**Dự toán chi NSNN**															
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**48.041.471**	**48.041.471**	**8.626.242**	**4.141.023**	**2.194.587**	**2.520.951**	**2.701.575**	**2.980.059**	**3.135.867**	**4.555.459**	**3.844.327**	**3.064.092**	**3.415.099**	**3.236.011**	**3.626.179**
1	**Chi quản lý hành chính**	**48.041.471**	**48.041.471**	**8.626.242**	**4.141.023**	**2.194.587**	**2.520.951**	**2.701.575**	**2.980.059**	**3.135.867**	**4.555.459**	**3.844.327**	**3.064.092**	**3.415.099**	**3.236.011**	**3.626.179**
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	43.006.800	**43.006.800**	7.453.218	3.845.523	2.046.687	2.251.051	2.447.875	2.693.759	2.940.667	4.178.359	3.219.858	2.642.114	3.079.099	2.929.711	3.278.879
1.2	KP không thực hiện chế độ tự chủ	5.034.671	**5.034.671**	1.173.024	295.500	147.900	269.900	253.700	286.300	195.200	377.100	624.469	421.978	336.000	306.300	347.300
	.....															